

Số: 622/BYT-K2ĐT
V/v hướng dẫn tuyển sinh
và đào tạo CKI, CKII, BSNT
trong năm 2020

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Các cơ sở đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và bác sĩ nội trú

Trong thời gian vừa qua nhiều văn bản và quy định mới liên quan đến đào tạo nhân lực y tế và đào tạo chuyên khoa, bác sĩ nội trú đặc thù ngành y tế như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học đã được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2018; Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (Nghị định 111/2017/NĐ-CP); Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và một số quy định liên quan. Bộ Y tế yêu cầu các cơ sở đào tạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc các Quy chế đào tạo và các văn bản quy định đã ban hành. Để phù hợp với giai đoạn hiện nay, trong khi chờ Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực sức khỏe, trong năm 2020 một số nội dung về tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa I (CKI), chuyên khoa II (CKII), bác sĩ nội trú (BSNT) được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Công tác tuyển sinh

1.1. Hướng dẫn về đối tượng tuyển sinh

a) Áp dụng chung cho tuyển sinh CKI, CKII và BSNT: không giới hạn tuổi của thí sinh dự thi.

b) Áp dụng đối với tuyển sinh CKI:

- Thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học, không yêu cầu có chứng chỉ chuyên khoa định hướng trước khi dự thi. Riêng đối với những bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi

chuyên ngành đang làm việc. Đối với bác sỹ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y học gia đình.

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: Đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh): thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề. Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi.

- Các đối tượng khác: Theo quy định hiện hành.

c) Áp dụng đối với tuyển sinh CKII:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp CKI hoặc thạc sỹ đăng ký dự thi CKII đúng với ngành/chuyên ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI, thạc sỹ hoặc đăng ký dự thi CKII theo nguyên tắc chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI hoặc thạc sỹ (Ví dụ: thí sinh có bằng CKI Nội được đăng ký dự thi CKII Nội Tim mạch, Nội Tiêu hóa..., ngược lại thí sinh có bằng tốt nghiệp CKI Nội Tim mạch, hoặc thạc sỹ Nội Tim mạch sẽ không được đăng ký dự thi CKII Nội khoa...).

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp CKI hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp thạc sỹ và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề).

1.2. Hướng dẫn công khai về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe, cách tính quy mô đào tạo và xác định chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII và BSNT

Thời điểm báo cáo số liệu thống nhất trong các báo cáo công khai về tuyển sinh và đào tạo CKI, CKII và BSNT là ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Cách tính quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành, từng trình độ thực hiện theo các biểu mẫu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo: www.asttmoh.vn (tại mục “THÔNG BÁO ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA, BSNT NĂM 2020”), cụ thể như sau:

a) Công khai về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe thực hiện theo các biểu mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 và 12.

b) Cơ sở đào tạo tự xác định quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo theo tỷ lệ quy mô học viên tại thời điểm xác định chỉ tiêu theo Quy định tại Điều 5 của Quy chế đào tạo CKI, CKII ban hành

kèm theo QĐ số 1636/2001/QĐ-BYT và QĐ số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001, Khoản 2 Điều 6 của Quy chế đào tạo BSNT ban hành kèm theo QĐ số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế là: 01 (một) giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 10 học viên (đối với CKI); 01 (một) giảng viên chuyên ngành phụ trách tối đa 03 học viên (đối với CKII và BSNT) bao gồm tất cả các khóa và các hình thức đào tạo.

c) Số lượng giảng viên chuyên ngành bao gồm giảng viên cơ hữu của cơ sở đào tạo và giảng viên thỉnh giảng là cán bộ cơ hữu của cơ sở thực hành đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP. Một người chỉ được tính là giảng viên chuyên ngành của 01 (một) ngành/chuyên ngành và của 01 (một) trình độ đào tạo chuyên khoa I hoặc chuyên khoa II hoặc bác sỹ nội trú ở 01 (một) cơ sở đào tạo (danh sách và số lượng giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng theo các biểu mẫu số 6, 7 và 8).

d) Cơ sở thực hành (của từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ CKI, CKII, BSNT) đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP: là cơ sở khám bệnh chữa bệnh thực hiện ít nhất 50% thời lượng của chương trình đào tạo thực hành, cơ sở đào tạo cần công bố công khai các minh chứng (chi tiết theo biểu mẫu số 9 và 10) bao gồm:

- Khung chương trình đào tạo, chương trình đào tạo thực hành lâm sàng (tên các môn học/học phần bao gồm cả tên môn học/học phần thực hành lâm sàng, số tín chỉ/số giờ của từng môn học/học phần), ghi rõ môn học thực hành và địa điểm tổ chức đào tạo thực hành để minh chứng cơ sở thực hành đó thực hiện ít nhất 50% thời lượng của chương trình đào tạo thực hành.

- Văn bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (trích phần công bố đạt yêu cầu đào tạo của từng ngành/chuyên ngành CKI, CKII, BSNT mà cơ sở đào tạo xác định chỉ tiêu tuyển sinh) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ Y tế hoặc Sở Y tế) công khai theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP kèm theo danh sách các giảng viên thỉnh giảng là cán bộ cơ hữu của cơ sở thực hành đạt yêu cầu được công khai trong công bố này.

- Bản hợp đồng nguyên tắc giữa cơ sở đào tạo với cơ sở thực hành đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

đ) Chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII, BSNT tối đa theo từng ngành/chuyên ngành năm 2020 của cơ sở đào tạo được tính bằng quy mô học viên CKI, CKII, BSNT tối đa theo năng lực, đáp ứng đồng thời các tiêu chí quy định tại Quy chế đào tạo và quy định hiện hành trừ đi quy mô học viên CKI, CKII, BSNT hiện tại

cộng với số học viên CKI, CKII, BSNT dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm 2020 (chi tiết theo biểu mẫu số 11).

1.3. Quy trình công khai về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe, xác định và công bố công khai quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII và BSNT năm 2020

Cơ sở đào tạo thực hiện công khai về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe, xác định và công bố chỉ tiêu tuyển sinh theo các bước như sau:

a) Bước 1: Hoàn thành báo cáo về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe và xác định quy mô đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII, BSNT năm 2020 theo các quy định tại hướng dẫn (*mục 1.2*) của công văn này.

b) Bước 2: Hoàn thành báo cáo về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (các ngành thuộc khối ngành sức khỏe) hoặc theo văn bản cập nhật quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm 2020) kèm theo Đề án tuyển sinh.

c) Bước 3: Hoàn thành báo cáo về việc tổ chức đào tạo thực hành tất cả các ngành, các trình độ, các hình thức đào tạo của các ngành thuộc khối ngành sức khỏe của cơ sở đào tạo theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP, bao gồm: kế hoạch thực hành, hợp đồng thực hành, tổ chức đào tạo thực hành, báo cáo về công bố của các cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

d) Bước 4: Cập nhật đầy đủ các báo cáo tự công bố tại *mục a), b) và c)* của *mục 1.3* trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước ngày 29/02/2020.

đ) Bước 5: Gửi báo cáo tự công bố tại *mục a), b) và c)* của *mục 1.3* về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế (bản scan báo cáo có đóng dấu và file word/excel) qua hộp thư điện tử theo địa chỉ: daotao.k2dt@gmail.com kèm theo đường link vị trí đã công bố báo cáo trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước ngày 28/02/2020 để công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo trước ngày 29/02/2020.

2. Công tác đào tạo

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận trúng tuyển, công nhận tốt nghiệp và gửi văn bản báo cáo Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) về kết quả sau mỗi kỳ thi tuyển sinh hoặc thi tốt nghiệp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công nhận trúng tuyển hoặc tốt nghiệp.

- Yêu cầu cơ sở đào tạo rà soát, cập nhật, công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo theo các yêu cầu về chuyên môn tại các quy định hiện hành, chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Cơ sở đào tạo tự xác định phương pháp lượng giá và hình thức thi tốt nghiệp phù hợp để đạt chuẩn đầu ra.

- Tăng cường thời gian thực hành ít nhất 50% thời lượng của chương trình đào tạo, bố trí ít nhất 15% khối lượng học tập là các học phần tự chọn để đáp ứng nhu cầu của từng học viên.

- Môn Ngoại ngữ: căn cứ Thông tư số 01/2014/BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh đạt trình độ bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn thi tuyển, học viên có thể tự học nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra. Học viên đạt trình độ bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn học, miễn thi (thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết).

- Môn Tin học: học viên có thể tự học, nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra.

- Học viên sinh con trong thời gian học, bắt buộc phải nghỉ học theo chế độ thai sản hiện hành để bảo vệ sức khỏe mẹ và con.

- Các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo thực hành theo quy định tại Nghị định số 111/2017/NĐ-CP.

- Riêng đối với đào tạo CKII: đổi tên Luận án thành Luận văn tốt nghiệp. Luận văn tốt nghiệp chiếm không quá 10% tổng số đơn vị học trình toàn khóa học.

3. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện tuyển sinh CKI, CKII, BSNT

- Thực hiện đúng quy trình công khai về tuyển sinh đào tạo khối ngành sức khỏe, xác định và công bố công khai quy mô đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh CKI, CKII và BSNT năm 2020 và các quy định liên quan.

- Đảm bảo tính trung thực, chính xác của số liệu báo cáo và căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về xác định, thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh khi có yêu cầu xác thực thông tin của các đoàn thanh tra, kiểm tra của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan có thẩm quyền.

- Thủ trưởng cơ sở đào tạo, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh của cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm giải trình trước Bộ Y tế và xã hội về việc xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của cơ sở đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

- Bộ Y tế tổ chức kiểm tra, giám sát việc xác định chỉ tiêu và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh của các cơ sở đào tạo theo quy định của Pháp luật.

- Cơ sở đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo có xảy ra sai phạm về xác định và thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện tuyển sinh sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bộ Y tế sử dụng các số liệu báo cáo công khai về tuyển sinh và đào tạo theo hướng dẫn tại công văn này để thực hiện các hoạt động cấp kinh phí hằng năm đối với các cơ sở đào tạo có cấp kinh phí từ Bộ Y tế.

Trong quá trình triển khai nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ sở đào tạo phản ánh về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo để tổng hợp trình lãnh đạo Bộ.

Thông tin chi tiết liên hệ TS. Trịnh Văn Hùng, điện thoại: 0915209940 hoặc ThS. Phạm Ngọc Bằng, điện thoại: 0964.888.456.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTT Vũ Đức Đàm (để b/c);
- Vụ KHTC (để p/h);
- Lưu VT, K2ĐT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Trường Sơn

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I, CHUYÊN KHOA II VÀ BÁC SĨ NỘI TRÚ**

TT	Tên đơn vị	Ghi chú
1	Trường Đại học Y Hà Nội	BYT
2	Trường Đại học Dược Hà Nội	BYT
3	Học viện Y Dược cổ truyền Việt Nam	BYT
4	Trường Đại học Y tế công cộng	BYT
5	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	BYT
6	Trường Đại học Y Dược Thái Bình	BYT
7	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	BYT
8	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	BGD
9	Trường Đại học Y khoa Vinh	UBND
10	Trường Đại học Y Dược Huế	BGD
11	Đại học Tây Nguyên	BGD
12	Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	BYT
13	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	UBND
14	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	NCL
15	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	BYT
16	Học viện Quân Y	BQP

THÔNG TIN CHUNG

I Tên trường (cơ sở đào tạo NLYT):

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Website:

- Fax:

- Email:

II Hiệu trưởng:

- Điện thoại bàn:

- Điện thoại di động:

- Email:

III Lãnh đạo trường phụ trách công tác tuyển sinh:

- Điện thoại bàn:

- Điện thoại di động:

- Email:

IV Trưởng phòng đào tạo đại học:

- Điện thoại bàn:

- Điện thoại di động:

- Email:

V Trưởng phòng đào tạo sau đại học:

- Điện thoại bàn:

- Điện thoại di động:

- Email:

Người lập biểu

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
(ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo:

TT	Ngành	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Liên kết đào tạo ⁽⁴⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui									
1	Ngành A								
2									
...									
	Tổng								
II. Đào tạo liên thông (chính quy tập trung)									
1									
2									
...									
	Tổng								
III. Đào tạo liên thông (vừa làm vừa học)									
1									
2									
...									
	Tổng								
IV. Cử tuyển (chỉ tiêu vào học năm dự bị)									
1									
2									
...									
	Tổng								
V. Văn bằng 2									
1									
2									
...									
	Tổng								

....., ngày tháng năm 2020

Người lập bảng
Họ tên:
Chữ ký:
Điện thoại:

Hiệu trưởng
Ký tên và đóng dấu

Ghi chú:

- (1) Số chỉ tiêu: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành của từng hình thức đào tạo.
(2) Hình thức tuyển sinh: Ghi rõ thi tuyển hay xét tuyển.
(3) Địa chỉ sử dụng: Ghi rõ tên từng tỉnh / thành phố, ngành, ... và số chỉ tiêu tương ứng
(4) Liên kết đào tạo : Ghi rõ nơi liên kết đào tạo, địa chỉ đào tạo, chỉ tiêu đào tạo.

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo:

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
I	Tiến sỹ				
1	- Ngành A				
2	...				
....					
	Tổng				
II	Thạc sỹ				
1	- Ngành ...				
2					
...					
	Tổng				
III	Chuyên khoa 2				
1	- Chuyên ngành ...				
2					
...					
	Tổng				
IV	Chuyên khoa 1				
1	- Chuyên ngành ...				
2					
...					
	Tổng				
V	Bác sỹ Nội trú				
1	- Chuyên ngành ...				
2					
...					
	Tổng				

....., ngày tháng năm 2020

Người lập bảng
 Họ tên:
 Chữ ký:
 Điện thoại:
 Email:

Hiệu trưởng
 Ký tên và đóng dấu

Ghi chú: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành của từng hình thức đào tạo.

BÁO CÁO SỐ SINH VIÊN ĐANG HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo:.....

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ, hình thức đào tạo	Số sinh viên đang học						Tổng
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5	Năm 6	
I	Sau đại học							
1.1. Tiến sỹ								
1 - Ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
1.2. Thạc sỹ								
1 - Ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
1.3. Chuyên khoa 2								
1 - Chuyên ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
1.4. Chuyên khoa 1								
1 - Chuyên ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
1.5. Bác sỹ Nội trú								
1 - Chuyên ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
II	Đại học chính qui							
1 - Ngành ...								
2								
....								
	Tổng							
III	Đại học liên thông							
3.1. Liên thông từ TC								
1 - Ngành ...								
2								
....								
	Tổng							

3.2. Liên thông từ CĐ							
1 - Ngành ...							
2							
....							
Tổng							
IV Đại học Văn bằng 2							
1 - Ngành ...							
2							
....							
Tổng							
Tổng							

Người lập bảng
Họ tên:
Chữ ký:
Điện thoại:
Email:

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng
Ký tên và đóng dấu

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo cáo:

TT	Ngành	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu ⁽¹⁾	Hình thức tuyển sinh ⁽²⁾	Đào tạo theo địa chỉ sử dụng ⁽³⁾	Địa điểm đào tạo
I. Đào tạo chính qui							
1	Ngành						
2							
...							
	Tổng						
II. Đào tạo liên thông							
1	Ngành						
2							
...							
	Tổng						
III. Đào tạo cử tuyển							
1	Ngành						
2							
...							
	Tổng						
IV. Đào tạo văn bằng 2							
1	Ngành						
2							
...							
	Tổng						

....., ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Họ tên:

Chữ ký:

Điện thoại:

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Số chỉ tiêu: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng ngành của từng hình thức đào tạo.

(2) Hình thức tuyển sinh: Ghi rõ thi tuyển hay xét tuyển dựa trên điểm thi đại học, ...

(3) Địa chỉ sử dụng: Ghi rõ tên từng tỉnh / thành phố, ngành, ... và số chỉ tiêu tương ứng

(4) Liên kết đào tạo : Ghi rõ nơi liên kết đào tạo, địa chỉ đào tạo, chỉ tiêu đào tạo.

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

Đơn vị báo

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Tổng quy mô	Dự kiến số tốt nghiệp	Chỉ tiêu	Ngày thi/ xét tuyển	Địa điểm đào tạo
I	Tiến sĩ					
1	- Ngành ...					
2						
...						
	Tổng					
II	Thạc sĩ					
1	- Ngành ...					
2						
...						
	Tổng					
III	Chuyên khoa 2					
	- Ngành ...					
	Tổng					
IV	Chuyên khoa 1					
1	- Ngành ...					
2						
...						
	Tổng					
V	Bác sĩ Nội trú					
1	- Ngành ...					
2						
...						
	Tổng					

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

Người lập bảng

Họ tên:

Chữ ký:

Điện thoại:

Email:

2																			
...																			
	Tổng																		
VI	Đại học chính quy																		
1	- Ngành ...																		
2																			
...																			
	Tổng																		
VII	Đại học liên thông																		
1	- Ngành ...																		
2																			
...																			
	Tổng																		
	Tổng																		

Người lập bảng
 Họ tên:
 Chữ ký:
 Điện thoại:
 Email:

....., ngày tháng năm 2020
Hiệu trưởng
 Ký tên và đóng dấu

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

Đơn vị báo cáo:

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu (1)	Danh sách giảng viên cơ hữu theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo/Quy chế đào tạo CKI, CKII, BSNT hiện hành (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo
I	Tiến sỹ				
1	Ngành A	Nguyễn Văn A	X		
			
2	Ngành....	Nguyễn Văn C			
			
....				
II	Thạc sỹ				
1	Ngành A			
2	Ngành....			
....			
III	Chuyên khoa 2				
1	Ngành A			
				
2	Ngành....			
....			
IV	Chuyên khoa 1				
1	Ngành A			
				
2	Ngành....			

.....			
V	Bác sỹ Nội trú			
1	Ngành....		
		
2	Ngành....		
		
VI	Đại học chính quy			
1	Ngành....		
		
2	Ngành....		
		
	Tổng			

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

Người lập bảng

Họ tên:

Chữ ký:

Điện thoại:

Email:

Ghi chú:

- (1) *Danh sách toàn bộ giảng viên cơ hữu theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"*
- (2) *Danh sách giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành theo quy định về điều kiện mở ngành hiện hành, cụ thể:*
 1. Đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 2. Đào tạo trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 3. Đào tạo trình độ cao đẳng theo quy định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ;
 4. Đào tạo Chuyên khoa cấp I sau đại học theo quy định tại Quyết định 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Y tế;
 5. Đào tạo Chuyên khoa cấp II sau đại học theo quy định tại Quyết định 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Y tế;
 6. Đào tạo Bác sỹ nội trú theo quy định tại Quyết định 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ Y tế.

**DANH SÁCH GIÁNG VIÊN THỈNH GIẢNG
THEO NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO**

TT	Ngành/Chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng (1)	Danh sách giảng viên giảng dạy thực hành theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 111/2017/NĐ-CP (2)	Học hàm/học vị cao nhất	Chuyên ngành được đào tạo	Cơ quan đang công tác
I	Tiến sỹ					
1	Ngành A	Nguyễn Văn A	X			
					
2	Ngành....	Nguyễn Văn C				
					
....					
II	Thạc sỹ					
1	Ngành A				
2	Ngành....				
....					
III	Chuyên khoa 2					
1	Ngành A				
					
2	Ngành....				
....					
IV	Chuyên khoa 1					
1	Ngành A				
					
2	Ngành....				

....				
V	Bác sỹ Nội trú					
1	Ngành A				
					
2	Ngành....				
					
....				
VI	Đại học chính quy					
1	Ngành....				
					
2	Ngành....				
					
....				
	Tổng					

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

Người lập bảng
Họ tên:
Chữ ký:
Điện thoại:
Email:

Ghi chú:

- (1) Danh sách toàn bộ giảng viên thỉnh giảng theo số lượng đã báo cáo tại Biểu mẫu "Báo cáo số lượng giảng viên hiện tại"
- (2) NĐ 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

								
	Tổng								
IV	Chuyên khoa I								
	1 - Ngành ...								
	2								
	...								
	Tổng								
V	Bác sỹ Nội trú								
	1 - Ngành ...								
	2								
	...								
	Tổng								
VI	Đại học chính quy								
	1 - Ngành ...								
	2								
	...								
	Tổng								
VII	Đại học liên thông								
	1 - Ngành ...								
	2								
	...								
	Tổng								
	Tổng								

....., ngày tháng năm 2020

Hiệu trưởng

Ký tên và đóng dấu

Người lập bảng

Họ tên:

Chữ ký:

Điện thoại:

Email:

Biểu mẫu 10: BCTS-CSTH-K2Đ10

BÁO CÁO CƠ SỞ THỰC HÀNH ĐẠT YÊU CẦU THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2, ĐIỀU 10

(Theo quy định tại Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ)

Trình bày theo từng ngành/chuyên ngành, từng trình độ CKI, CKII, BSNT (mục 3, mục 4, mục 5 có thể gộp chung nếu cùng tổ chức thực hành tại 1 cơ sở thực hành)

STT	CÁC HỒ SƠ VÀ NỘI DUNG YÊU CẦU
1	Khung chương trình đào tạo
2	Khung chương trình đào tạo thực hành lâm sàng
3	Bản chi tiết công bố của cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh (trích phần công bố đạt yêu cầu đào tạo ngành/chuyên ngành CKI, CKII, BSNT mà cơ sở giáo dục xác định chi tiêu)
4	Bản hợp đồng nguyên tắc theo quy định của Nghị định số 111/2017/NĐ-CP
5	Bản hợp đồng chi tiết

a	Cao học tập trung (02 năm)								
		2017	2019						
		2018	2020						
		2019	2021						
		2020	2022						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
b	Chuyên khoa 1 tập trung (02 năm)								
		2017	2019						
		2018	2020						
		2019	2021						
		2020	2022						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
c	Chuyên khoa 2 tập trung (02 năm)								
		2017	2019						
		2018	2020						
		2019	2021						
		2020	2022						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								

	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
4	3 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Bác sĩ nội trú								
		2016	2019						
		2017	2020						
		2018	2021						
		2019	2022						
		2020	2023						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
b	Nghiên cứu sinh hệ 3 năm								
		2016	2019						
		2017	2020						
		2018	2021						
		2019	2022						
		2020	2023						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
5	4 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Nghiên cứu sinh hệ 4 năm								
		2015	2019						
		2016	2020						
		2017	2021						

		2018	2022					
		2019	2023					
		2020	2024					
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>							
	Ra 2019							
	Vào 2019							
	Bình quân 2019							
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>							
	Ra 2020							
	Vào 2020							
	Bình quân 2020							
b	Cử nhân chính quy hệ 4 năm							
		2015	2019					
		2016	2020					
		2017	2021					
		2018	2022					
		2019	2023					
		2020	2024					
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>							
	Ra 2019							
	Vào 2019							
	Bình quân 2019							
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>							
	Ra 2020							
	Vào 2020							
	Bình quân 2020							
6	5 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)							
a	Đại học Dược hệ chính quy							
		2014	2019					
		2015	2020					
		2016	2021					
		2017	2022					
		2018	2023					
		2019	2024					
		2020	2025					
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>							

	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
7	6 năm (chi tiết theo từng loại hình đào tạo)								
a	Bác sỹ chính quy các ngành (Y khoa, YHCT, RHM)								
		2013	2019						
		2014	2020						
		2015	2021						
		2016	2022						
		2017	2023						
		2018	2024						
		2019	2025						
		2020	2026						
	<i>Có mặt 01/01/2019</i>								
	Ra 2019								
	Vào 2019								
	Bình quân 2019								
	<i>Có mặt 01/01/2020</i>								
	Ra 2020								
	Vào 2020								
	Bình quân 2020								
8	Tổng số SV, HV Bình quân năm 2019 của các loại hình đào tạo								
9	Tổng số SV, HV Bình quân năm 2020 của các loại hình đào tạo								